

Số: 12 /2026/TT-BNV

Hà Nội, ngày 29 tháng 5 năm 2026

THÔNG TƯ

**Hướng dẫn thực hiện điều chỉnh mức trợ cấp hằng tháng
đối với cán bộ xã, phường, thị trấn già yếu đã nghỉ việc**

Căn cứ Nghị định số 25/2025/NĐ-CP ngày 21 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nội vụ;

Căn cứ Nghị định số 162/2026/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2026 của Chính phủ điều chỉnh lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội và trợ cấp hằng tháng;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Tiền lương và Bảo hiểm xã hội;

Bộ trưởng Bộ Nội vụ ban hành Thông tư hướng dẫn thực hiện điều chỉnh mức trợ cấp hằng tháng đối với cán bộ xã, phường, thị trấn già yếu đã nghỉ việc.

Điều 1. Đối tượng áp dụng

Cán bộ xã, phường, thị trấn già yếu đã nghỉ việc đang hưởng trợ cấp hằng tháng theo Quyết định số 130-CP ngày 20 tháng 6 năm 1975 của Hội đồng Chính phủ bổ sung chính sách, chế độ đãi ngộ đối với cán bộ xã và Quyết định số 111-HĐBT ngày 13 tháng 10 năm 1981 của Hội đồng Bộ trưởng về việc sửa đổi, bổ sung một số chính sách, chế độ đối với cán bộ xã, phường (sau đây gọi là cán bộ xã già yếu đã nghỉ việc).

Điều 2. Điều chỉnh mức trợ cấp hằng tháng

Từ ngày 01 tháng 7 năm 2026, thực hiện điều chỉnh mức trợ cấp đối với cán bộ xã già yếu đã nghỉ việc theo quy định tại Điều 2 Nghị định số 162/2026/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2026 của Chính phủ điều chỉnh lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội và trợ cấp hằng tháng như sau:

1. Tăng thêm 8% mức trợ cấp hằng tháng trên mức trợ cấp được hưởng tại thời điểm tháng 6 năm 2026 đối với các đối tượng quy định tại Điều 1 Thông tư này.

Mức trợ cấp hằng tháng được hưởng từ ngày 01 tháng 7 năm 2026 tính theo công thức sau:

$$\begin{array}{l} \text{Mức trợ cấp hằng tháng} \\ \text{được hưởng từ ngày 01} \\ \text{tháng 7 năm 2026} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Mức trợ cấp được} \\ \text{hưởng tại thời điểm} \\ \text{tháng 6 năm 2026} \end{array} \times 1,08$$

Trong đó: Mức trợ cấp được hưởng tại thời điểm tháng 6 năm 2026 là mức trợ cấp quy định tại khoản 3 Điều 2 Thông tư số 08/2024/TT-BNV ngày 05 tháng 7 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện điều chỉnh mức trợ cấp hằng tháng đối với cán bộ xã, phường, thị trấn già yếu đã nghỉ việc.

2. Từ ngày 01 tháng 7 năm 2026, sau khi điều chỉnh mức trợ cấp hằng tháng đối với cán bộ xã già yếu đã nghỉ việc theo quy định tại khoản 1 Điều này mà có mức trợ cấp được hưởng thấp hơn 3.800.000 đồng/tháng thì được điều chỉnh tăng thêm như sau:

- a) Tăng thêm 300.000 đồng/người/tháng đối với những người có mức hưởng trợ cấp hằng tháng dưới 3.500.000 đồng/người/tháng;
- b) Tăng lên bằng 3.800.000 đồng/người/tháng đối với những người có mức hưởng trợ cấp hằng tháng từ 3.500.000 đồng/người/tháng đến dưới 3.800.000 đồng/người/tháng.

3. Căn cứ quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này, cán bộ xã già yếu đã nghỉ việc quy định tại Điều 1 Thông tư này, gồm: Cán bộ nguyên là Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân, Phó Bí thư, Phó Chủ tịch, Thường trực Đảng ủy, Ủy viên thư ký Ủy ban nhân dân, Thư ký Hội đồng nhân dân xã, Xã đội trưởng, Trưởng công an xã và các chức danh còn lại được hưởng mức trợ cấp hằng tháng là 3.800.000 đồng/tháng từ ngày 01 tháng 7 năm 2026.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

- 1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2026.
- 2. Thông tư này thay thế Thông tư số 08/2024/TT-BNV ngày 05 tháng 7 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện điều chỉnh mức trợ cấp hằng tháng đối với cán bộ xã, phường, thị trấn già yếu đã nghỉ việc.

Điều 4. Trách nhiệm thi hành

1. Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tổ chức thực hiện việc chi trả trợ cấp hằng tháng từ ngày 01 tháng 7 năm 2026 theo hướng dẫn tại Thông tư này đối với các đối tượng thuộc phạm vi quản lý.

2. Nguồn kinh phí thực hiện điều chỉnh mức trợ cấp hằng tháng đối với cán bộ xã già yếu đã nghỉ việc theo quy định tại khoản 1 Điều 3 Nghị định số 162/2026/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2026 của Chính phủ điều chỉnh lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội và trợ cấp hằng tháng.

Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, đề nghị các Bộ, ngành, địa phương phản ánh về Bộ Nội vụ để nghiên cứu, giải quyết./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Trung ương Đảng;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Quốc hội;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- UBTW Mật trận Tổ quốc Việt Nam;
- Bộ Tư pháp (Cục Kiểm tra văn bản và Tổ chức thi hành pháp luật);
- Công báo;
- Cổng thông tin điện tử Chính phủ;
- Cổng thông tin điện tử Bộ Nội vụ;
- Bộ trưởng và các Thứ trưởng;
- Các đơn vị thuộc và trực thuộc Bộ Nội vụ;
- Lưu: VT, Cục TL&BHXH (05).

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Nguyễn Mạnh Khương